TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2024
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Thọ Bổn.

2. Bà Lê Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Giữ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024. Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tố Q,** sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòn Trẹm, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Kim C**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòn Trẹm, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Tố Q trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng đến ngày 01/11/2004 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình từ việc ông C rất nhiều lần xúc phạm đến danh dự nhân phẩm ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần của tôi, ông C rất nhiều lần biêu xấu vợ, nói tôi ngoại tình, ghen tuông vô cớ, nói tôi theo trai, theo nhân tình. Đến nay tôi không còn chịu đựng được cảnh xúc phạm, chửi bới vô cớ của ông C đi riêu rao khắp xóm làng về việc vợ ngoại tình làm tôi rất mất mặt nên tôi đã bỏ đi khỏi nhà, sống ly thân hơn 04 tháng nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn, không thể chung sống được nữa nên tôi C quyết xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Kim Nguyễn Quốc D, sinh ngày

27/5/2005 và Kim Nguyễn Quốc C, sinh ngày 17/11/2014. Tôi đồng ý giao cháu Quốc C cho ông C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Cháu Quốc D đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- *Tại bản tự khai ông Kim C trình bày:*

Quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà Q trình bày là đúng. Ông C cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn, vì vẫn còn thương vợ, hiện nay bà Q có người thứ 3 nhưng ông C sẵn sàng tha thứ cho bà Q quay về xây dựng gia đình lo cho các con.

Hiện nay 2 cháu Quốc C và Quốc D đang ở chung với ông C, các cháu đang đi học. Hiện tại bà Q đã ra ngoài sống từ trước tết cho đến nay. Do ông C không muốn ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Theo biên bản xác minh tại ấp Hòn Trẹm, xã B cho biết: Ông Kim C sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa P. Hiện tại 02 vợ chồng không còn sống chung vì bà Q đã bỏ đi nơi khác. Vợ chồng bà Q, ông C từ trước đến nay không có đến ấp yêu cầu giải quyết việc hôn nhân nên địa P cũng không nắm được sự việc mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông, bà.

Theo biên bản xác minh bà Phan Thị Linh P cho biết: Bà P là em dâu của ông C, cũng là hàng xóm sống sát nhà của vợ chồng ông C, bà Q. Quá trình chung sống thì thấy vợ chồng có cãi nhau, hiện vợ chồng đã không còn sống chung do bà Q đã bỏ nhà đi.

Ý kiến của cháu Kim Nguyễn Quốc C: Sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu C có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Q được ly hôn với ông C. Bà Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Kim C có nơi cư trú tại ấp Hòn Trẹm, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với ông Kim C có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Kim C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy bà Q có yêu cầu ly hôn nhưng ông C không đồng ý vì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì lớn. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng bà Q vẫn C quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà Q khẳng định không thể hàn gắn với ông C, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Tuy ông C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không như bà Q trình bày nhưng ông cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm lo cho nhau, không muốn ly hôn là vì còn yêu thương vợ con. Tuy ông C không muốn ly hôn nhưng xét thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trong quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên cho bà Q được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Kim Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/5/2005 và Kim Nguyễn Quốc C, sinh ngày 17/11/2014. Xét thấy bà Q đồng ý giao cháu Quốc C cho ông C nuôi dưỡng là phù hợp vì hiện tại cháu đang ở cùng ông C, được đi học, còn bà Q không có nơi ở ổn định, hiên ở trọ và đi làm ở tỉnh Bình Dương, mặt khác cháu Quốc C cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông C. Do ông C không có ý kiến hay yêu cầu về việc cấp dưỡng và bà Q cũng xin không cấp dưỡng nên miễn xét. Đối với cháu D đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Bà Q có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tố Q được ly hôn với ông Kim C.

- Về con chung: Giao cháu Kim Nguyễn Quốc C, sinh ngày 17/11/2014 cho ông C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Q không đồng ý cấp dưỡng, ông C cũng không yêu cầu nên không xem xét. Cháu Kim Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/5/2005 đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Bảo đảm cho bà Q quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Ông C và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tố Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0001862 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà Q không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Thạnh Đông B, H. Tân Hiệp-KG;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho